|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD & ĐT BẮC GIANG**  **CỤM THPT HUYỆN LỤC NAM**  **ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  (Đề thi gồm 06 trang) | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI VĂN HÓA CẤP CƠ SỞ**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN THI: ĐỊA LÍ – LỚP 12**  **Ngày thi: 10/12/2023**  *Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mã đề thi: 131** |

*(Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam, tái bản từ năm 2009 đến nay)*

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (14,0 điểm)**

**Câu 1.** Có bao nhiêu ý sau đây **không đúng** khi nói về tác động của hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang đối với đặc điểm tự nhiên nước ta?

1. Góp phần tạo nên sự phân hoá tự nhiên theo chiều bắc-nam.

2. Tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào trong đất liền.

3. Sự phân hoá theo chiều đông - tây của nước ta không thật rõ rệt.

4. Thiên nhiên phân hóa rõ rệt theo đai cao.

**A.** 1. **B.** 4 **C.** 2. **D.** 3.

**Câu 2.** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

**A.** phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa.

**B.** khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế.

**C.** tăng cường hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ.

**D.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, thu hút đầu tư.

**Câu 3.** Hệ sinh thái ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do

**A.** khí hậu nóng ẩm, sinh vật phong phú, thiên nhiên phân hóa.

**B.** tác động của con người, thềm lục địa sâu và địa hình độc đáo.

**C.** có nhiều rừng ngập mặn, tác động của nội lực và thủy triều.

**D.** có các bãi triều lớn, dạng địa hình và sinh vật phong phú.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2000 - 2007?

**A.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn cao hơn sản lượng thủy sản khai thác.

**B.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác.

**C.** Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm trong cơ cấu sản lượng thủy sản.

**D.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng và sản lượng thủy sản khai thác đều giảm.

**Câu 5.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam, tỉ trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2000 - 2007 giảm

**A.** 5,1%. **B.** 5,3%. **C.** 4,4%. **D.** 4,3%.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về biểu đồ diện tích rừng của nước ta qua các năm?

**A.** Diện tích rừng tự nhiên qua các năm tăng liên tục.

**B.** Tổng diện tích rừng nước ta tăng qua các năm.

**C.** Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

**D.** Diện tích rừng trồng qua các năm tăng liên tục.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sản xuất lúa ở nước ta hiện nay ?

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lúa lớn nhất cả nước

**B.** Năng suất lúa vùng Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước.

**C.** Năng suất lúa tăng nhờ đẩy mạnh sản xuất hướng thâm canh.

**D.** Sản lượng lúa liên tục tăng chủ yếu do diện tích tăng nhanh.

**Câu 8.** Sông ngòi ở Nam Bộ có lũ điều hòa hơn Bắc Bộ chủ yếu do

**A.** lòng sông hẹp và sâu, thủy triều lớn, lưu vực có dạng nan quạt, địa hình thấp.

**B.** thủy triều lớn, lưu vực có dạng lông chim, địa hình thấp và điều hòa của hồ đầm.

**C.** lòng sông rộng và sâu, thủy triều lớn, lưu vực có dạng lông chim và hồ đầm.

**D.** lưu vực có dạng lông chim, điều hòa của biển hồ, địa hình thấp, lòng sông rộng.

**Câu 9.** Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp là nguyên nhân chủ yếu làm cho

**A.** thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

**B.** địa hình nước ta trẻ lại, có sự phân bậc rõ ràng.

**C.** thiên nhiên nước ta có sự phân hóa sâu sắc.

**D.** tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.

**Câu 10.** Nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu là do

**A.** vốn đầu tư lớn, kĩ thuật sản xuất hiện đại, phân bố rộng khắp cả nước.

**B.** ứng dụng nhiều kĩ thuật tiên tiến, thu hút lực lượng lao động dông đảo.

**C.** có vốn đầu tư lớn nhất, cung cấp lương thực, thực phẩm cho cả nước.

**D.** ngành phát triển rộng khắp, lao động đông đảo, cung cấp lương thực.

**Câu 11.** Chế độ mưa trên các vùng lãnh thổ nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian, thời gian chủ yếu do

**A.** gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí.

**B.** gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.

**D.** gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**Câu 12.** Ý nghĩa xã hội của việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là

**A.** góp phần vào việc phân bố lại dân cư và lao động.

**B.** khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước và khí hậu.

**C.** tạo các nguồn hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao.

**D.** cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ và lượng mưa của Thanh Hóa và Nha Trang?

**A.** Số tháng mùa mưa của Thanh Hóa nhiều hơn Nha Trang.

**B.** Nhiệt độ trung bình năm của Thanh Hóa thấp hơn Nha Trang.

**C.** Tháng mưa cực đại của Nha Trang đến sớm hơn Thanh Hóa.

**D.** Biên độ nhiệt năm của Nha Trang thấp hơn Thanh Hóa.

**Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho cao nguyên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ giống như một cánh cung khổng lồ?

**A.** Tác dụng định hướng của khối nền cổ trong quá trình hình thành.

**B.** Quá trình hình thành chịu sự tác động mạnh của các khối nền cổ.

**C.** Cấu trúc của địa hình có tính phân bậc rõ rệt và quá trình bồi tụ.

**D.** Sự vận động nâng lên của các khối núi, sông trở lại và xâm thực.

**Câu 15.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do

**A.** khắc phục được dịch bệnh và Nhà nước chú trọng việc nuôi trồng.

**B.** diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên và được Nhà nước đầu tư.

**C.** chủ động được về sản lượng và chất lượng để phục vụ thị trường.

**D.** cải thiện kỹ thuật nuôi trồng, khắc phục dịch bệnh và môi trường.

**Câu 16.** Địa hình đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long khác nhau chủ yếu do

**A.** biên độ sụt võng, khả năng bồi tụ phù sa, tác động của con người.

**B.** vận động tân kiến tạo, đặc điểm thềm lục địa, tác động của biển.

**C.** đặc điểm vùng đồi núi kề bên, lịch sử khai phá, sóng biển, sông hồ.

**D.** vận động hạ thấp của nội lực, thủy triều, hoạt động của con người.

**Câu 17.** Trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp biểu hiện chủ yếu ở

**A.** tỉ lệ dân số thành thị, cơ sở hạ tầng, quy mô của các đô thị.

**B.** mức sống dân cư, tỉ lệ thất nghiệp, quy mô của các đô thị.

**C.** các loại hình dịch vụ, chức năng, quy mô của các đô thị.

**D.** chức năng, quy mô dân số, hệ thống giao thông vận tải.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, nhận định nào sau đây là đúng về diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm?

**A.** Diện tích tăng, sản lượng tăng. **B.** Diện tích tăng, sản lượng giảm.

**C.** Diện tích giảm, sản lượng tăng. **D.** Diện tích giảm, sản lượng giảm.

**Câu 19.** Tài nguyên đất nước ta đa dạng có nhiều loại khác nhau do tác động chủ yếu của

**A.** sinh vật, nhiệt độ, địa hình, thủy văn, tác động của con người.

**B.** khí hậu, địa hình, thủy văn, thực vật, tác động của con người.

**C.** địa hình, đá mẹ, gió mùa, thủy văn, thực vật và con người.

**D.** đá mẹ, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật và con người.

**Câu 20.** Nguyên nhân chính làm cho địa hình khu vực đồi núi nước ta bị xâm thực mạnh là do

**A.** mưa lớn tập trung trên nền địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy.

**B.** lượng mưa phân hóa theo mùa, địa hình có độ cao và độ dốc lớn.

**C.** nền nhiệt ẩm cao, mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn.

**D.** thảm thực vật bị phá hủy, sông ngòi có nhiều nước và độ dốc lớn.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực lớn nhất?

**A.** Lào Cai. **B.** Cao Bằng. **C.** Hà Giang. **D.** Nam Định.

**Câu 22.** Những vấn đề chủ yếu cần giải quyết trong ngành chăn nuôi ở nước ta là

**A.** đáp ứng nhu cầu thị trường, thay đổi giống vật nuôi và thu hút lao động.

**B.** thay đổi nhiều giống vật nuôi, thu hút lực lượng lao động và vốn đầu tư.

**C.** đáp ứng nhu cầu thị trường, đẩy mạnh công tác thú y, thu hút lao động.

**D.** đảm bảo tốt cơ sở thức ăn, đẩy mạnh công tác thú y, đáp ứng thị trường.

**Câu 23.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Sản phẩm** | **2010** | **2013** | **2015** | **2019** |
| Dầu thô *(nghìn tấn)* | 486 | 299 | 383 | 173 |
| Điện *(tỉ kWh)* | 67,7 | 75,3 | 82,4 | 99,8 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin giai đoạn 2010 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Miền.

**Câu 24.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

**A.** Độ nông - sâu của thềm lục địa đồng nhất từ Bắc vào Nam.

**B.** Vùng biển có diện tích lớn gấp khoảng ba lần vùng đất liền.

**C.** Thềm lục địa miền Trung hẹp, tiếp giáp với vùng biển sâu.

**D.** Thềm lục địa nông, được mở rộng ở phía Bắc và phía Nam.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân tính theo đầu người của nước ta năm 2007?

**A.** Các tỉnh Tây Nguyên có GDP bình quân tính theo đầu người đạt từ 6 đến 9 triệu đồng.

**B.** Các tỉnh Đông Nam Bộ có GDP bình quân tính theo đầu người đạt trên 18 triệu đồng.

**C.** Các tỉnhTrung du và miền núi Bắc Bộ có GDP bình quân tính theo đầu người đạt dưới 6 triệu đồng.

**D.** Các tỉnh Bắc Trung Bộ có GDP bình quân tính theo đầu người đạt từ 6 đến 9 triệu đồng.

**Câu 26.** Cho biểu đồ về sản lượng than sạch, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2010-2020

*(Số liệu niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

**B.** Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.

**C.** Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.

**D.** Quy mô và sự thay đổi sản lượng.

**Câu 27.** Giải pháp nào sau đây là chủ yếu nhằm hạn chế rủi ro trong sản xuất cây công nghiệp và góp phần sử dụng hợp lí tài nguyên ở vùng đồi núi nước ta?

**A.** Trao đổi với vùng khác để bổ sung lương thực, ổn định diện tích cây công nghiệp.

**B.** Nhà nước trợ giá, thu mua và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp cho nhân dân.

**C.** Đa dạng cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, ổn định thị trường.

**D.** Đa dạng hóa các thành phần kinh tế trong trồng và chế biến cây công nghiệp.

**Câu 28.** Để giải quyết việc làm bền vững ở nước ta hiện nay, cần chú ý các giải pháp nào sau đây?

**A.** Giảm tỉ lệ sinh, phân bố lại dân cư, hạn chế di dân, thu hút đầu tư.

**B.** Thúc đẩy công nghiệp hóa, đầu tư hạ tầng đô thị, hạn chế di dân.

**C.** Phát triển công nghiệp, dịch vụ, đào tạo lao động, thu hút đầu tư.

**D.** Phát triển nông nghiệp, khuyến khích di dân, xuất khẩu lao động.

**Câu 29.** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu của nước ta sâu sắc hơn?

**A.** Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ, nhiều đồng bằng châu thổ sông lớn.

**B.** Đồng bằng ven biển nhỏ, hẹp ngang với nhiều vũng, vịnh và cửa sông.

**C.** Lãnh thổ hẹp ngang, cấu trúc địa hình theo hướng tây bắc - đông nam.

**D.** Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, núi cao lan ra sát biển, bờ biển dài.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 2 và có quy mô dân số từ 500 001- 1000 000 người?

**A.** Hải Phòng. **B.** Hà Nội. **C.** Cần Thơ. **D.** Nha Trang.

**Câu 31.** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Tây Nam, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, nằm gần chí tuyến.

**B.** vị trí nằm gần chí tuyến, gió mùa hạ, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh.

**C.** Tín Phong bán cầu bắc, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, xa xích đạo.

**D.** thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm cách xa vùng xích đạo.

**Câu 32.** Đặc điểm nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam?

**A.** Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

**B.** Gồm các khối núi và cao nguyên, có sự bất đối xứng giữa hai sườn đông - tây.

**C.** Địa hình thấp, hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu.

**D.** Gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, cho biết nhận định nào sau đây **không** đúng với sự phân bố mưa ở nước ta?

**A.** Lượng mưa phân bố không đều theo lãnh thổ.

**B.** Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.

**C.** Mùa mưa tập trung chủ yếu từ tháng V - X.

**D.** Khu vực cực Nam Trung Bộ mưa ít nhất.

**Câu 34.** Giới hạn dưới của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam lên cao hơn so với miền Bắc nước ta là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Có đồng bằng châu thổ rộng, thấp và ảnh hưởng của biển Đông sâu sắc hơn.

**B.** Nằm ở những vĩ độ cao hơn và ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**C.** Nằm ở những vĩ độ thấp hơn và ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**D.** Ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ nhiệt đới mạnh hơn.

**Câu 35.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta đang chuyển dịch tích cực?

**A.** Quy hoạch lãnh thổ, chất lượng nguồn lao động được cải thiện.

**B.** Chính sách mở cửa, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** Phát triển sản xuất hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

**D.** Thị trường xuất khẩu mở rộng, nội thương đang phát triển mạnh.

**Câu 36.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy cho biết nhận xét nào là chính xác về sự thay đổi cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 1995 - 2007?

**A.** Lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm liên tục.

**B.** Lao động trong khu vực dịch vụ không ổn định.

**C.** Lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp cao nhất.

**D.** Lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng đang giảm.

**Câu 37.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 75397,8 | 81148,6 | 54649,2 | 55534,5 |
| Việt Nam | 45215,7 | 42763,7 | 42301,1 | 43346,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng lúa năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam?

**A.** Việt Nam giảm nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.

**B.** Việt Nam giảm nhiều hơn In-đô-nê-xi-a.

**C.** In-đô-nê-xi-a giảm, Việt Nam tăng.

**D.** In-đô-nê-xi-a giảm nhanh hơn Việt Nam.

**Câu 38.** Cho biểu đồ:

Ảnh có chứa văn bản

Mô tả được tạo tự động

DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Việt Nam?

**A.** Số dân của Thái Lan luôn nhiều hơn Việt Nam.

**B.** Số dân của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

**C.** Số dân của Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.

**D.** Số dân của Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, nhận định nào sau đây đúng về cây công nghiệp ở nước ta năm 2007?

**A.** Tổng diện tích trồng cây công nghiệp của Đắk Lắk nhỏ hơn Gia Lai.

**B.** Đắc Lắk có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất cả nước.

**C.** Chè được trồng nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ.

**D.** Diện tích cây công nghiệp hàng năm của Nghệ An lớn hơn Hà Tĩnh.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, quy mô dân số các đô thị ở Đông Nam Bộ xếp theo thứ tự giảm dần là

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** **(6,0 điểm)**

**Câu 1.** *(3,0 điểm)*

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

1. So sánh vùng khí hậu Bắc Trung Bộ và vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

2. Giải thích tại sao ở Phan Rang tuy giáp biển nhưng lượng mưa trung bình năm lại thấp nhất nước ta?

**Câu 2.** *(3,0 điểm)*

1. Cho bảng số liệu: CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1989** | **1999** | **2009** | **2019** |
| Từ 0 đến 14 tuổi | 39,2 | 33,1 | 24,5 | 24,3 |
| Từ 15 đến 59 tuổi | 56,1 | 61,1 | 69,1 | 68,0 |
| Từ 60 tuổi trở lên | 4,7 | 5,8 | 6,4 | 7,7 |

*(Nguồn: Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019)*

Nhận xét và giải thích sự thay đổi tỉ lệ dân số phụ thuộc và tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động của nước ta.

2.Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp nước ta.

*------* **HẾT** -*-----*

***Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm***

Họ và tên thí sinh: ..........................................................Số báo danh:...............................

Cán bộ coi thi số 1 (*Họ tên và ký*).......................................................................................

Cán bộ coi thi số 2 (*Họ tên và ký*)....................................................................................…